TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 9 năm 2017
"*V/v Yêu cầu ly hôn* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Tố Uyên.

-Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Toan.

Bà Lê Thị Thanh Cường

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 511/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 về "Yêu cầu ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Ông C – sinh năm: 1957.
Địa chỉ: Tổ 2, phường Y, thành phố D, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

Bị đơn: - Bà D – sinh năm: 1960.
Địa chỉ: Tổ 2, phường Y, thành phố D, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2017, bản tự khai, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông C trình bày:

Vào năm 1982 ông C và bà D tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, Tp. Hà Nội, giấy chứng nhận kết hôn số 232, quyển số 01 ngày đăng ký kết hôn là 20/01/1982. Thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây ông, bà không đồng quan điểm mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, ông C và bà D đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay và không thể tiếp tục sống chung được nữa. Vì vậy, ông C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà D.

Quá trình chung sống ông bà có 03 con chung là:
1. Chị C – sinh ngày 18/12/1984.
2. Chị V – sinh ngày 15/12/1987.
3. Anh T – sinh ngày 02/01/1990.

Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết .

Về tài sản chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà D trình bày tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay:

Bà D và ông C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1982 có đăng ký kết hôn. Bà D thừa nhận trong quá trình sinh sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bà và ông C đã ly thân từ năm 2015. Tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, nhưng bà D không muốn ly hôn với ông C để cho con trai cưới vợ xong thì ông C muốn ly hôn thì bà D đồng ý.

Về con chung có 03 con chung như ông C đã trình bày là đúng các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự: Ông C, địa chỉ cư trú tổ 2, phường Y, thành phố D, tỉnh Gia Lai; Có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố D – tỉnh Gia lai giải quyết việc ly hôn với bà D có nơi cư trú là tổ 2, phường Y, thành phố D, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà D tự nguyện kết hôn, chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, Tp. Hà Nội. Tại phiên tòa hôm nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn đối với bà D, với các lý do: Sau khi kết hôn cuộc sống của hai vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó giữa ông, bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân vào năm 2015. Nguyên nhân chính là không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Ông C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng không thể hàn gắn được và mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà D.

Bà D không đồng ý ly hôn bà thừa nhận trong quá trình sinh sống vợ chồng có mâu thuẫn, bà D thừa nhận ông, bà đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay, ông C đã làm nhà ở riêng. Tình cảm vợ chồng khó có thể hàn gắn được, nhưng bà D không muốn ly hôn với ông C, vì bà muốn để cho con trai cưới vợ xong thì ông C muốn ly hôn thì bà D đồng ý.

Tại phiên tòa hôm nay, ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa ông C và bà D là có thật, đã căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà D cũng thừa nhận điều đó tại biên bản hòa giải không thành và giữa họ đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến này; Mặc dù bà D đưa ra lý do không đồng ý ly hôn

là để con trai cưới vợ xong thì bà mới đồng ý lý hôn, vấn đề này không phù hợp quy định của pháp luật, bởi lẽ con chung của ông, bà đã trưởng thành và tự lập được, quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ và con được quy định tại các Điều 68, Điều 69, Điều 70 Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, HĐXX nhận thấy yêu cầu này của bà D là không chính đáng. Nên cần chấp nhận yêu cầu của ông C xin ly hôn với bà D.

Về con chung: Các con chung của ông C, bà D đã lớn và trưởng thành nên họ không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng: Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.
- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông C và bà D.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003472 ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai. Ông Chính đã nộp đủ.
- Về quyền kháng cáo: Ông C và bà D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2017).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố D;
- Chi cục THA-DS TP.D;
- UBND xã P, huyện B.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký